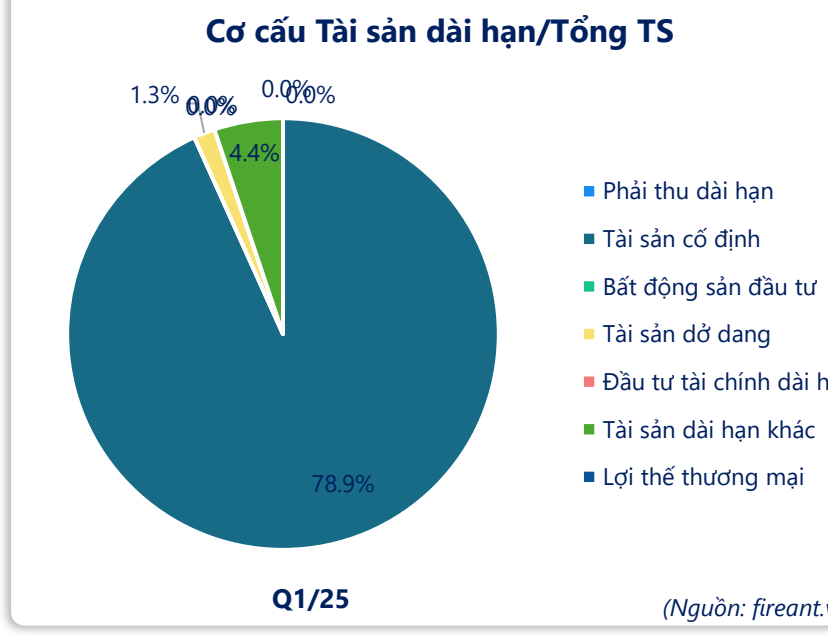
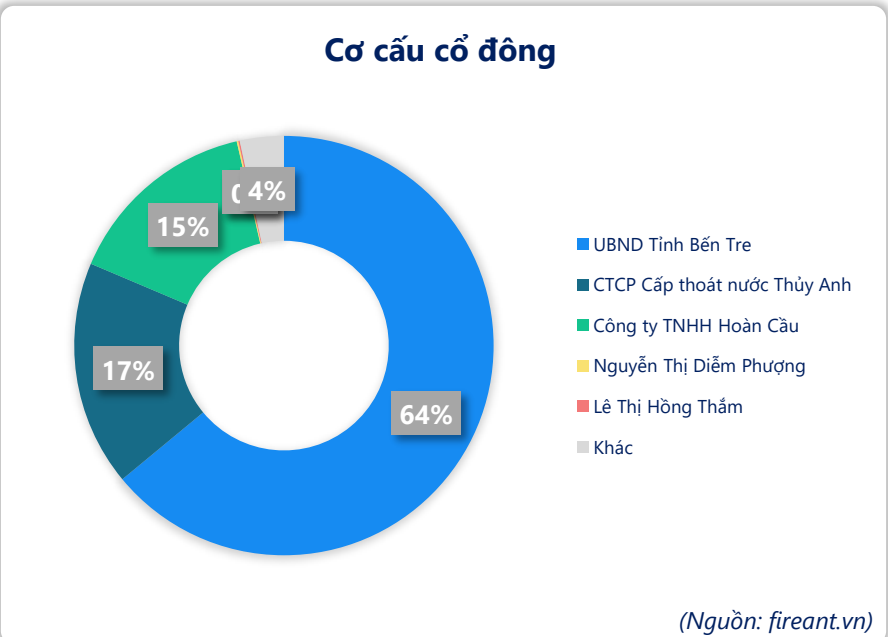
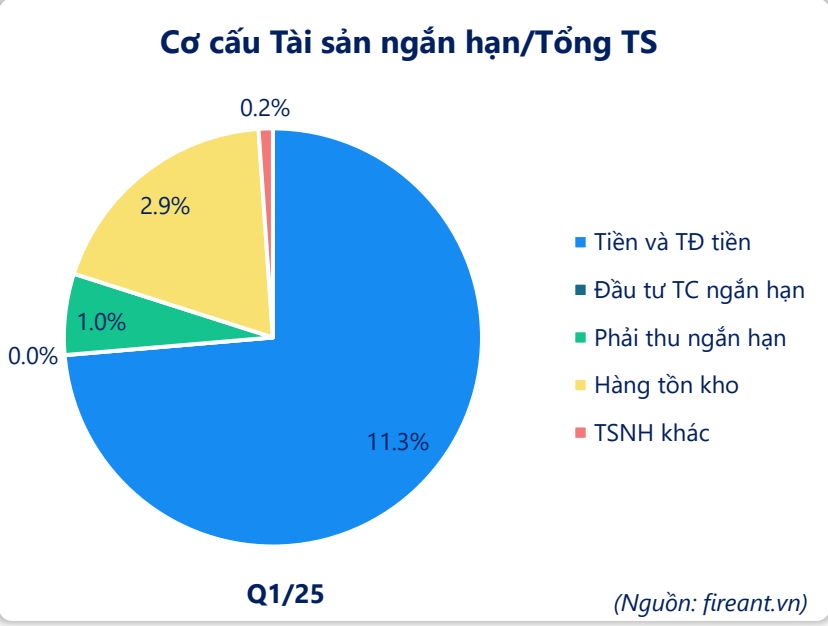
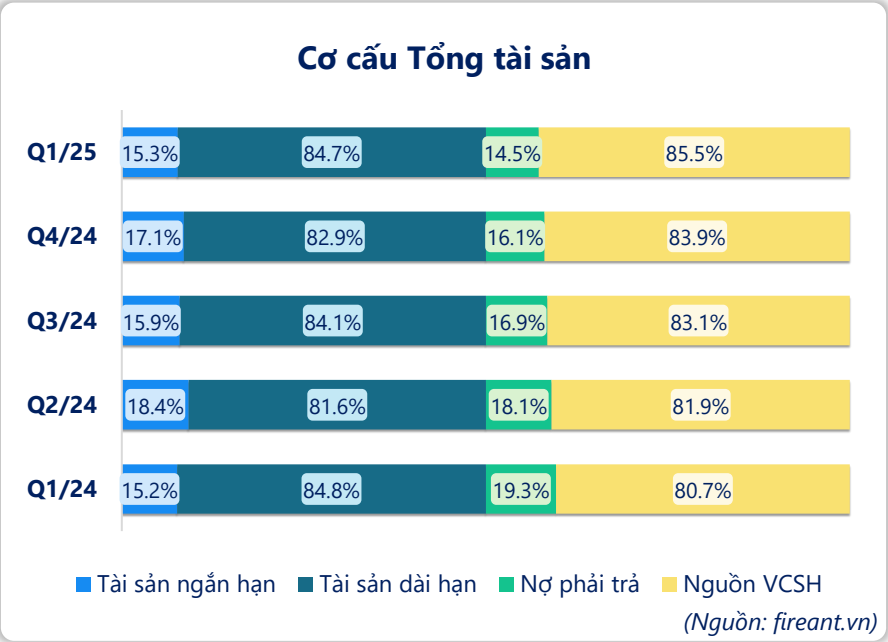
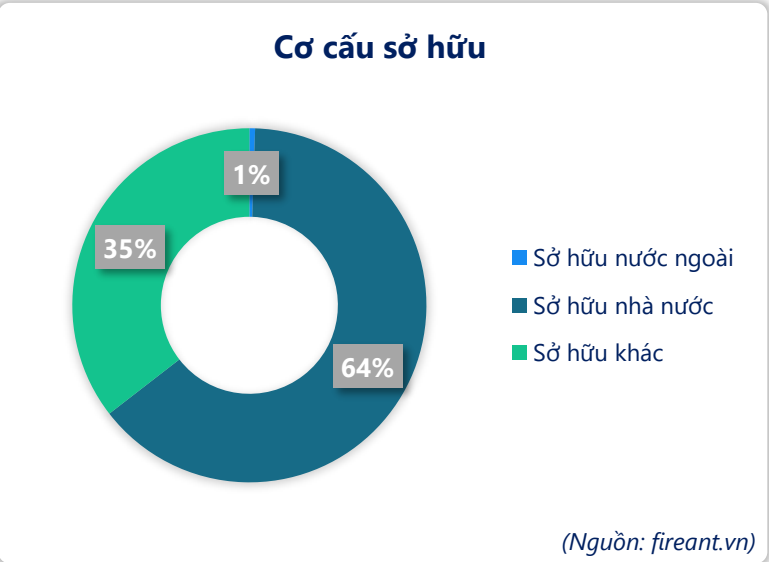
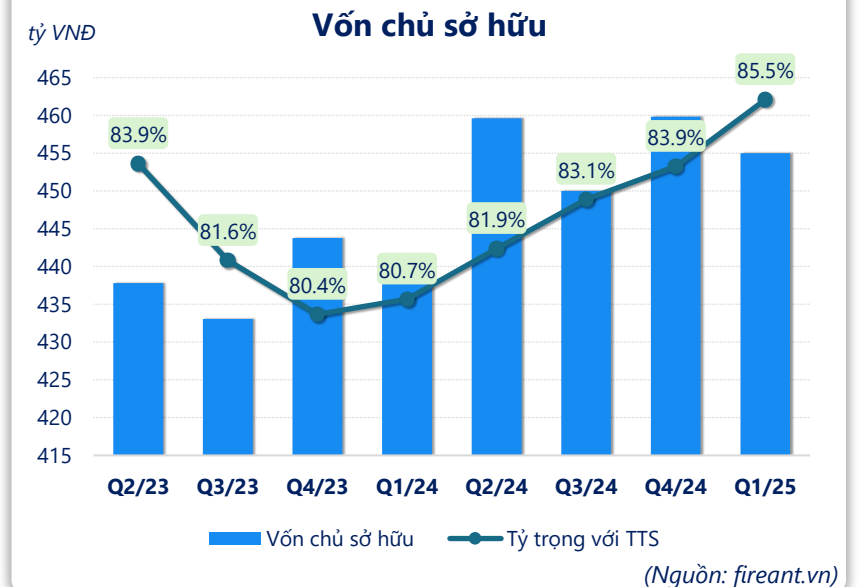
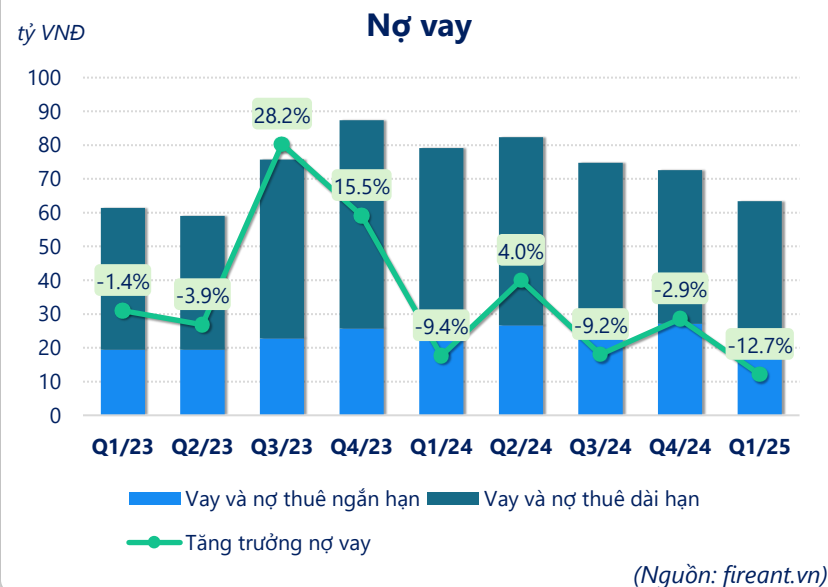
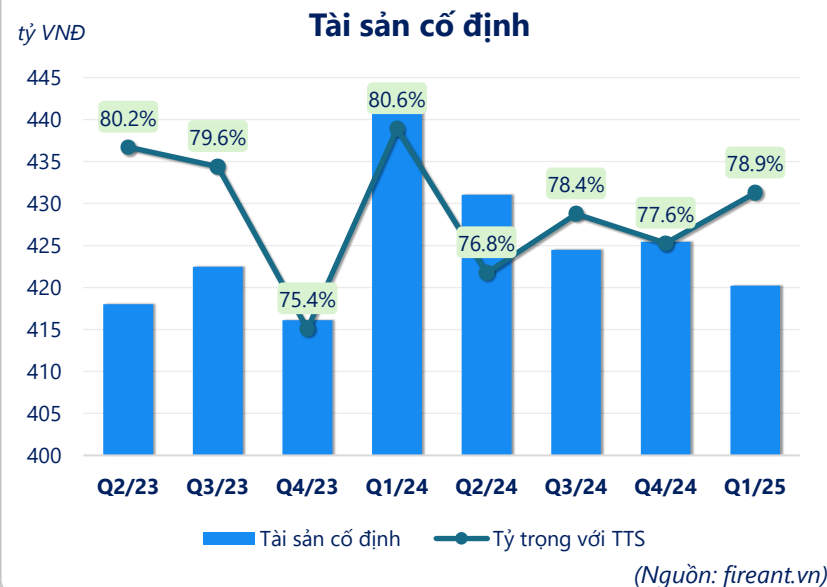
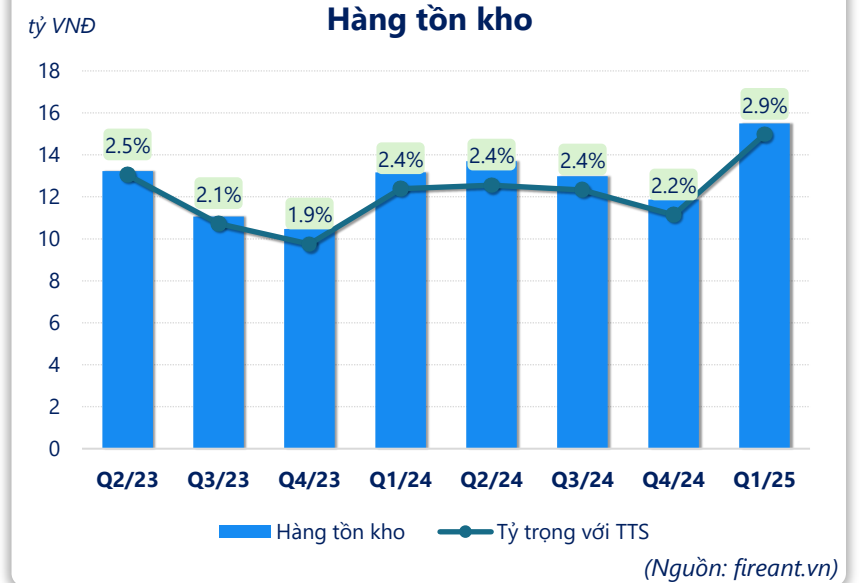
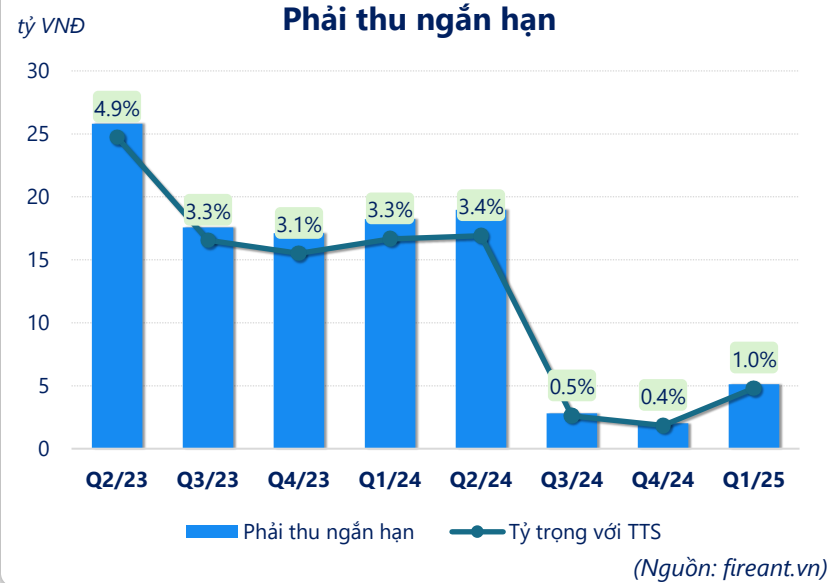
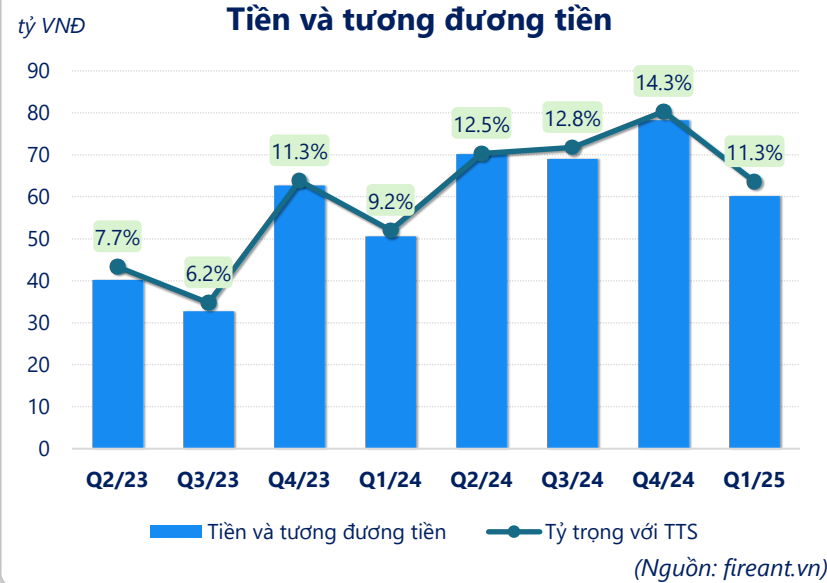
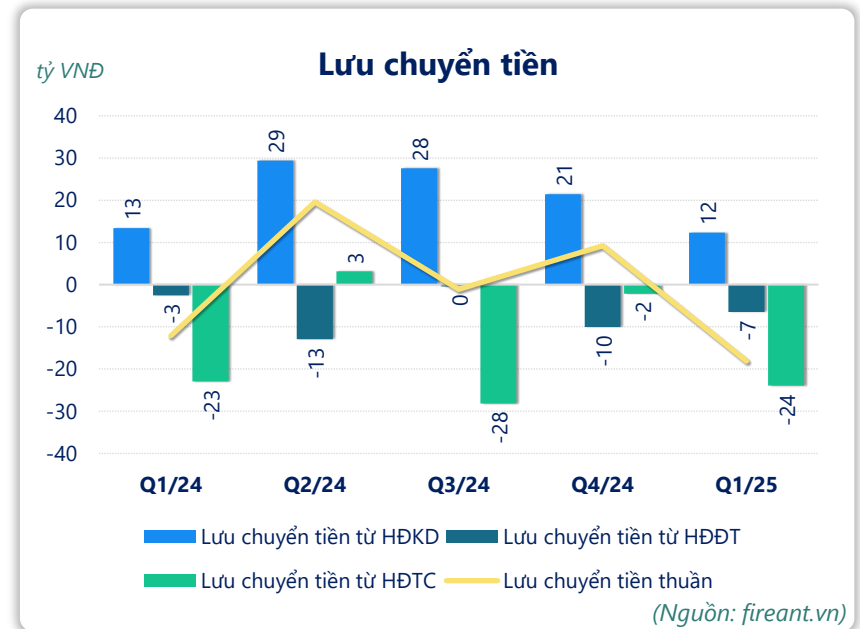
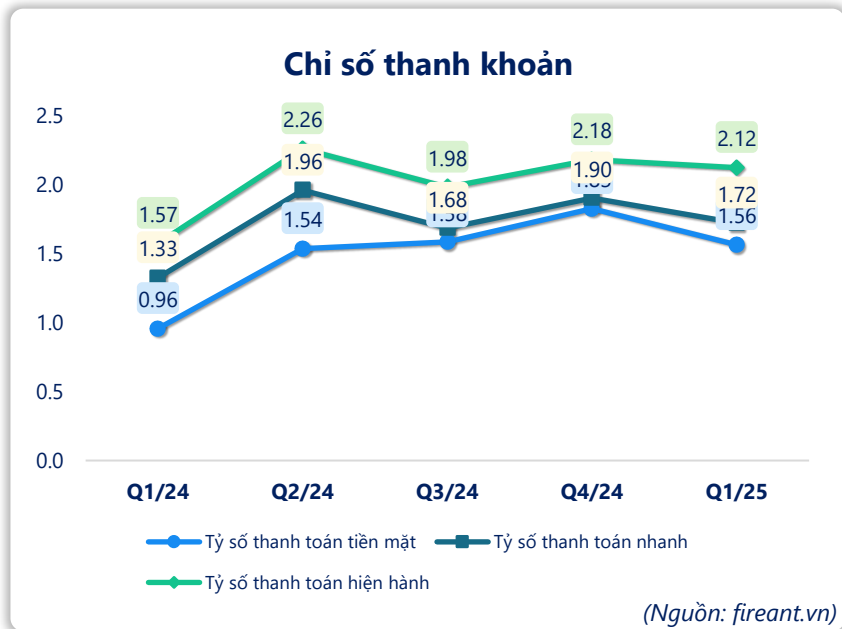
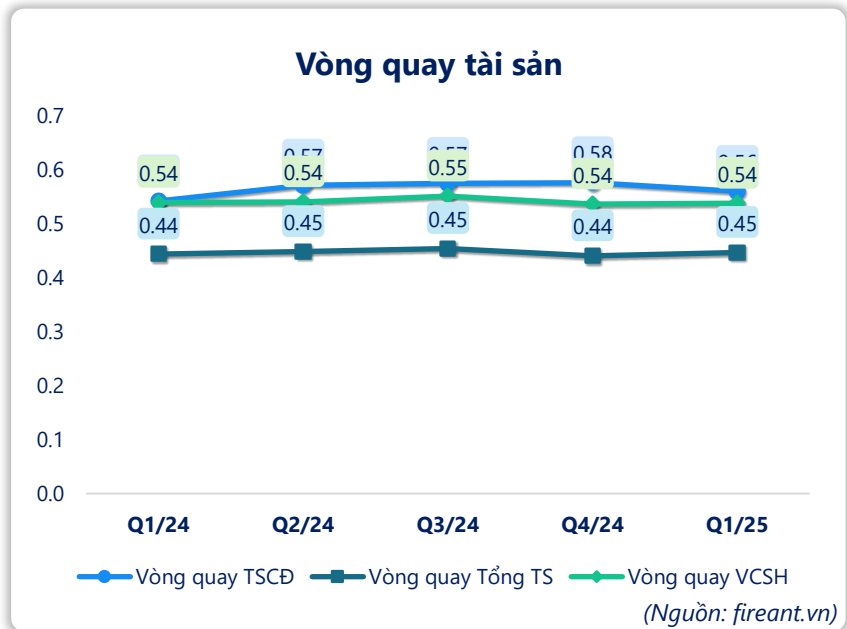
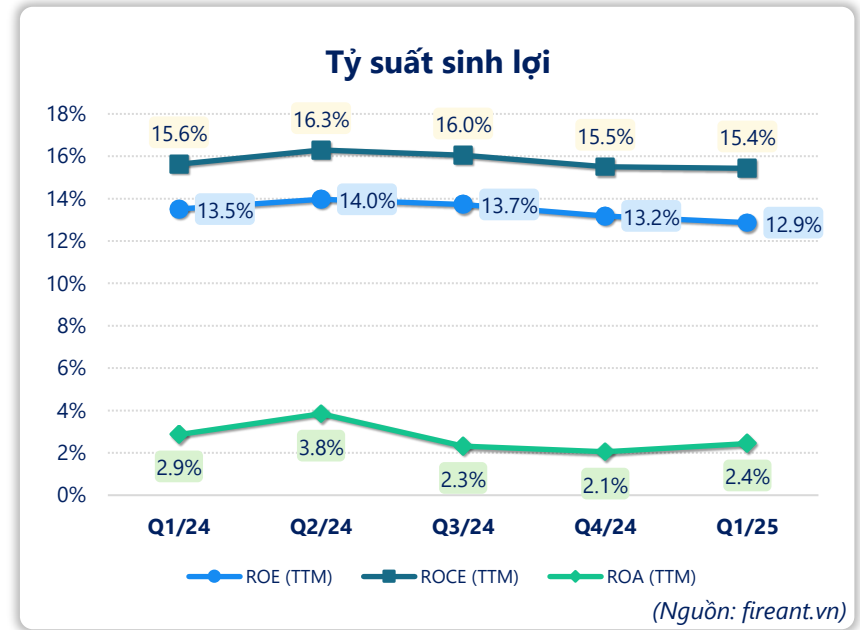
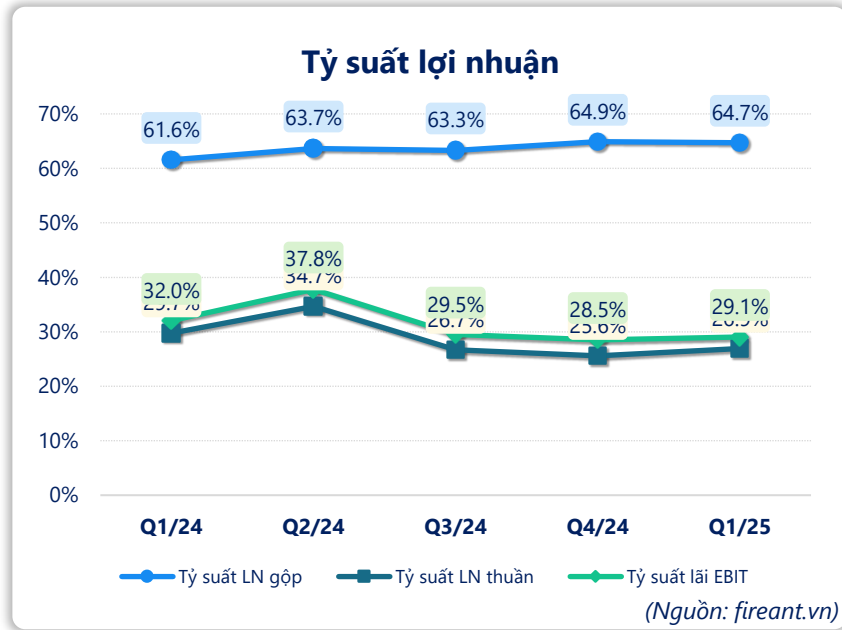
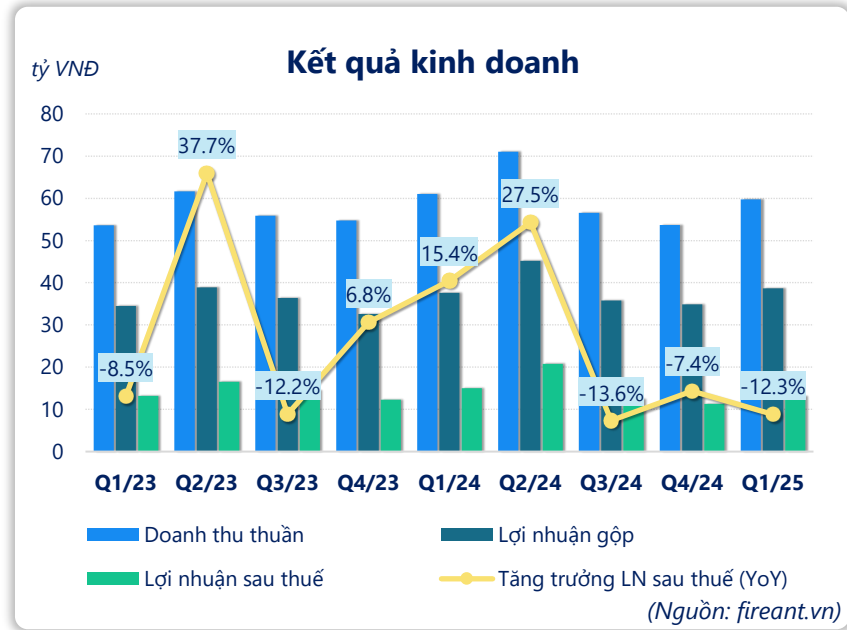


Thông tin giao dịch		31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		19,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		20,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		11,772
SL cổ phiếu LH		29,400,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		460
% sở hữu nước ngoài		0.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		559
P/E		9.7
EPS		1,962

	YTD	1T	3T	6T
NBT	5.6%	-4.0%	5.6%	8.5%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	532	548	-2.9%
Tài sản ngắn hạn	81.7	93.5	-12.6%
Tiền và tương đương tiền	60.2	78.3	-23.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	5.13	2.02	154%
Hàng tồn kho	15.5	11.9	30.6%
Tài sản ngắn hạn khác	0.90	1.30	-30.8%
Tài sản dài hạn	451	455	-0.9%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	420	425	-1.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	7.18	5.99	19.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	23.2	23.1	0.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	77.3	90.0	-14.1%
Nợ ngắn hạn	38.5	44.5	-13.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	24.5	27.1	-9.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	4.48	2.33	92.1%
Nợ dài hạn	38.9	45.5	-14.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	38.9	45.5	-14.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	455	458	-0.7%
Vốn chủ sở hữu	455	458	-0.7%
Vốn điều lệ	294	294	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	61.0	71.0	56.6	53.7	59.8
Giá vốn hàng bán	23.5	25.8	20.8	18.9	21.1
Lợi nhuận gộp	37.6	45.2	35.8	34.9	38.7
Doanh thu HĐTC	0.03	0.05	0.05	0.07	0.04
Chi phí TC	1.40	1.75	1.72	1.62	1.51
Chi phí lãi vay	1.40	1.75	1.72	1.62	1.51
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	12.9	14.3	14.0	14.7	15.1
Chi phí QLDN	5.13	4.56	5.01	4.83	6.06
LN thuần từ HĐKD	18.1	24.6	15.1	13.7	16.1
Lợi nhuận khác	0.00	0.47	-0.13	-0.05	-0.23
LN trước thuế	18.1	25.1	15.0	13.7	15.9
Lợi nhuận sau thuế	15.0	20.8	12.4	11.3	13.1
LNST của CĐ cty mẹ	15.0	20.8	12.4	11.3	13.1

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	13.4	29.4	27.5	21.4	12.3
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-2.56	-12.9	-0.45	-10.1	-6.50
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-22.9	3.15	-28.2	-2.14	-24.0
Tiền đầu kỳ	62.7	50.5	70.1	69.1	78.3
Lưu chuyển tiền thuần	-12.1	19.6	-1.08	9.23	-18.1
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	50.5	70.1	69.1	78.3	60.2

(Nguồn: fireant.vn)